

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Duy Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lù Trá Cheng

2. Ông Ngô Tiến Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lý Thu Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại nhà văn hóa thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị M, năm sinh 1988

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Là Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ đơn vị công tác: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng Seo X, năm sinh 1986

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. *Người phiên dịch:* Anh Giàng Seo P, năm sinh 1990

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Giàng Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị M và anh Sùng Seo X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 19/8/2010 chị M và anh X mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S theo quy định của pháp luật (đăng ký quá hạn). Khi mới về chung sống với anh X, thì chị M và anh X chỉ có vi phạm là không đi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc được 6 năm, đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X đi làm thuê bên Trung Quốc trở về và có nghi ngờ chị M ở nhà ngoại tình với người đàn ông khác, nhưng thực tế chị M không có ngoại tình với người đàn ông nào cả, từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều hôm anh X còn đánh đập chị M nhưng chị M vẫn cho qua, vì chị M nghĩ sẽ có ngày anh X sẽ nhận ra việc làm của mình là sai trái. Đến đầu năm 2016, chị M và anh X có đi làm thuê bên Trung Quốc, khi thanh toán tiền công thì anh X quản lý, anh ấy không đưa tiền cho chị M để chi phí sinh hoạt cá nhân, chị M có nói thì anh X lại chửi và đánh đập chị M nhiều hơn (đánh chị M khoảng 4 - 5 lần), đến đầu tháng 8/2016 chị M và anh X về Việt Nam để thăm con, chị M bảo anh X đưa ít tiền cho bố mẹ chồng là ông G và bà S để chi phí sinh hoạt gia đình, thì anh X không nghe và quay sang lấy ghế đánh vào đầu chị M lần nữa, chị M bị thương tích nhẹ, khi đó có trưởng thôn H là ông Sùng Seo D chứng kiến, sau đó chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M là ông Giàng Seo S và bà Vàng Thị D trú tại thôn H, xã S, huyện S để ở, từ đó chị M và anh X sống ly thân cho đến nay, cả hai anh chị không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mức độ mâu thuẫn đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị M và anh X không còn, nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh X để đảm bảo cuộc sống riêng của chị M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị M và anh X chỉ có một người con chung là cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010. Cháu M còn nhỏ và đang ở với anh X. Ngoài ra, chị M có một người con riêng là cháu Cừ Thị D 12 tuổi đang ở với chị M, còn anh X cũng có một người con riêng là cháu Sùng Seo D 11 tuổi đang ở với anh X. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; về con riêng của chị M và con riêng của anh X, thì chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị M đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị M, chị M chỉ giúp bố mẹ làm ruộng nương, nên chị M không có thu nhập. Còn anh X đang ở tại ngôi nhà của hai vợ chồng, ngôi nhà gỗ dựng trên đất của bố mẹ chồng cho, anh X ở nhà làm nương, làm ruộng, nuôi gà, đi làm thuê thu nhập của anh X khoảng 6.000.000 đồng/một tháng. Từ ngày anh chị sống ly thân, thì anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M bình thường, thì thoảng chị M có đón cháu M về chơi, nên anh X đủ điều kiện để nuôi dưỡng được cháu M tốt. Cháu M sống với chị M hoặc anh X đều đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Trích lục kết hôn, Trích lục khai sinh con chung, Đơn xin xác nhận (để chứng minh cho yêu cầu ly hôn của nguyên đơn), Đơn xin xác nhận (để chứng minh tổng thu nhập của nguyên đơn và bị đơn), Giấy xác nhận (xác nhận về hộ khẩu của

nguyên đơn), Đơn đề nghị (xác nhận về hộ khẩu của bị đơn), Giấy chứng minh nhân dân (của nguyên đơn).

2. Đề nghị của bị đơn: Tại bản tự khai ngày 04/8/2017, bị đơn anh Sùng Seo X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh X nhất trí với chị M đã trình bày về thời gian chung sống, kết hôn và nơi cư trú của anh X, chị M và một con chung, hai con riêng của anh chị. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh X cho rằng: anh và chị M chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm, đến cuối năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X đi theo bố vợ làm thuê bên Trung Quốc, khi về nhà anh X có nghe tin đồn là vợ anh có quan hệ tình cảm không lành mạnh với người khác là anh Giàng Seo T ở thôn H, xã M, hai người hay điện thoại cho nhau, mỗi lần như thế anh X có nói chị M thì vợ chồng lại cãi vã và chửi nhau. Đầu tháng 8/2016, anh X và chị M đi làm thuê bên Trung Quốc về nhà thăm con và gia đình, chị M cứ bảo anh X đưa tiền cho chị M cầm, anh X có bảo số tiền hai vợ chồng đi làm thuê chưa thanh toán được, họ chỉ thanh toán một ít để mua ngô, thóc để ăn thôi, sau đó hai vợ chồng anh thống nhất bán một con trâu, bán xong chị M cứ bảo anh X đưa tiền cho chị M, anh X bảo cầm tiền mặt sang Trung Quốc làm gì, nên anh X đã đi trả nợ cho Ngân hàng hết, không còn tiền đưa cho chị M nữa, dẫn đến hai vợ chồng lại cãi nhau, sau đó chị M đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị M là ông Giàng Seo S và bà Vàng Thị D trú tại thôn H, xã S, huyện S để ở, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh X có đến đón chị M 4 lần, nhưng khi đến thì bố mẹ đẻ chị M cứ chửi anh X, nên chị M không về ở với anh X. Nay anh X thấy vẫn còn tình cảm với chị M, nhưng chị M lại không còn tình cảm với anh X nữa, anh X đề nghị Tòa án giải quyết để hai vợ chồng anh về đoàn tụ, nếu chị M cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, thì anh X cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị M.

- Về nuôi con khi ly hôn: Nếu phải ly hôn, anh X đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Còn về con riêng của anh X và con riêng của chị M, thì anh X không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện tại anh X ở nhà làm nương, làm ruộng, đi làm thuê thu nhập của anh X khoảng 5.000.000 đồng/một tháng. Từ ngày anh chị sống ly thân, thì anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M bình thường, thì thoảng chị M có đến đón cháu M về nhà bên ngoại chơi, nên anh X đủ điều kiện để nuôi dưỡng được cháu M tốt. Còn chị M chỉ giúp bố mẹ chị ấy làm ruộng nương, thu nhập của chị M một tháng khoảng bao nhiêu tiền anh X không biết.

- Bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Nguyên vọng của con: Con chung của anh X và chị M là cháu Sùng Văn M trình bày: Nếu cha mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyên vọng của cháu ở với ai cũng được, vì cả hai cha mẹ đẻ của cháu đều quan tâm và chăm sóc cháu về mọi mặt.

4. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, quan điểm và đề nghị như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định cho chị M và anh X được ly hôn.

- Về con chung: Áp dụng khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Sùng Văn M cho anh X nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

5. Ý kiến của Viện kiểm sát:

5.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ và gửi văn bản cho Viện kiểm sát, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75, 76, 81, 82 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Giàng Thị M được ly hôn anh Sùng Seo X.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010 cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

5.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn và bị đơn đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án hòa giải và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì chị M và anh X đều có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn người phiên dịch cho nguyên đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và xét xử vắng mặt người phiên dịch theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 231 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh X là hợp pháp. Qua lời khai của các bên, thì sau khi về chung sống với nhau do chị M và anh X không hợp tính nhau, anh chị bất đồng quan điểm sống, kinh tế không tập trung, nên vợ chồng mâu thuẫn cãi vã xô sát nhau, dẫn đến anh X có hành vi bạo lực đối với chị

M, từ đầu tháng 8/2016 đến nay anh chị sống ly thân. Xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy: mâu thuẫn của anh X và chị M được hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng cũng không có kết quả. Chị M xác nhận tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị không còn quan tâm đến anh X nữa; còn anh X đã trình bày là nếu chị M cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, thì anh X cũng nhất trí thuận tình ly hôn với chị M. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chị M và anh X chung sống với nhau chỉ có một con chung cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010. Nay cháu M còn nhỏ và đang ở với anh X. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị M và anh X đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, tuy nhiên thu nhập của anh X cao và ổn định hơn chị M, bản thân cháu M có nguyện vọng là ở với ai cũng được, vì cả hai cha mẹ đẻ của cháu đều quan tâm và chăm sóc cháu về mọi mặt. Như vậy, việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh chị.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 231 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Giàng Thị M và anh Sùng Seo X.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010 cho anh Sùng Seo X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/0004491 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- NBVQ&LIHPCNĐ;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- UBND xã M, huyện S, T.Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Tổng Duyệt Toán